***2.8. Tiêu chuẩn 8.* Chất lượng sinh viên**

Chương trình ngành công nghệ kỹ thuật Điện-Điện Tử nhấn mạnh tầm quan trọng của các biện pháp để đảm bảo chất lượng sinh viên; cụ thể là Chính sách tuyển sinh và việc thực hiện nó, cũng như một chương trình học tập đầy đủ và cân bằng.

2.8.1. Tiêu chí 2.8.1: Có chính sách thu nhận sinh viên rõ ràng

Ngành CNKT Đ-ĐT thực hiện công tác tuyển sinh rõ ràng, công khai, minh bạch, đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Tuân thủ quy trình tuyển sinh đầu vào của Bộ GD&ĐT. Quy trình này được công khai, minh bạch. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được Bộ GD&ĐT thông qua và thông báo trên trang web cho tất cả các hệ đại học, cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. [Exh. 2.8(1)].
- Nhà trường và Khoa Điện – Điện tử có các biện pháp như thông tin minh bạch về chương trình học của ngành bằng cách đưa lên trang web của Trường và của Khoa [Exh. 2.8(2)]. Người học có thể dễ dàng tìm được những thông tin quan trọng về ngành học như chuẩn đầu ra của chương trình; các kiến thức, kỹ năng người học sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp; nơi làm việc sau khi tốt nghiệp;…

Nhà trường và khoa Điện – Điện Tử có các biện pháp thu hút người học đối với chương trình.

- Bộ môn cũng thường xuyên thực hiện các biện pháp quảng bá về ngành đào tạo như:

- Cử cán bộ tư vấn tuyển sinh tham gia theo đoàn tư vấn tuyển sinh của nhà trường vào mùa tuyển sinh tại các địa phương. [Exh. 2.8(3)].
- Thông qua các buổi làm việc với UBND các tỉnh, Bộ môn đã có những giải thích về chuẩn đầu ra của ngành cũng như giới thiệu về tỷ lệ sinh viên có việc làm, kiến thức và khả năng đạt được sau khi tốt nghiệp,...
- Thực hiện Ngày mở để giới thiệu cho học sinh cuối cấp 3 về ngành CNKT Điện-Điện Tử và cơ sở vật chất của Khoa [Exh. 2.8(4)]. Thông qua các buổi nói chuyện, trả lời trực tiếp với các học sinh cuối cấp 3, Bộ môn đã có những thay đổi trong việc tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút thêm nhiều người học thông qua các sản phẩm do chính các sinh viên ngành CNKT Điện-Điện Tử thực hiện. [Exh. 2.8(4)]. Dựa vào sự tuyên truyền của các giảng viên giảng dạy các lớp liên kết chương trình đào tạo với các địa phương của

2.8. Student Quality

IEEE learning program emphasizes the importance of methods to ensure student quality; specifically entrance enrollment policy and its implementation, as well as an appropriate and balance learning program.

2.8.1. Explicit admission policy.

Major in IEEE carries out explicit, obvious and open enrollment which complying with Educational Ministry's regulation:

- Conforming with enrollment procedure of Educational Ministry. This procedure is publicized and evident. Yearly enrollment target is approved by Educational Ministry and published on website of regular university, colleage [Exh. 2.8 (1)].
- University and IEEE faculty have ways such as publishing evident information about faculty's learning program to the university and faculty's website [Exh. 2.8(2)]. Learners can easily find the important information about the program like graduation standards; knowledges, skills which learners can gain after graduating; working place after graduating…

University and IEEE faculty have ways to attract students to the program.

- Subjects frequentlly carry out ways to popularize the program such as:

  + Assign staff to participate group of consultant in enrollment season at local areas. [Exh.2.8(3)].

  + Throughout of occasion to work with people's committee, Subjects can explain graduation standards and introduce student employment rate, knowledge and capability after graduating…

  + Implement Opening day to introduce the high school about IEEE faculty and faculty's facilities [Exh. 2.8(4)]. Throughout presentation, directly answering the high school's concerns, Subjects had changes in way to propagandize, popularize in order to attract more students by introducing IEEE students' products. [Exh. 2.8 (4)]. It is also based on spreading from leacturers in classes which connecting to the university's local training program. This is an effective way to propaganda and collect feedback from students' family due to limitted Internet

trường. Đây là một phương án tuyên truyền hết sức hiệu quả cũng như thu thập các thông tin phản hồi từ người thân của học sinh vì hệ thống Internet ở các địa phương chưa phổ biến và các bậc phụ huynh học sinh chưa nắm vững cách thức tìm hiểu thông tin trên các trang mạng. Các thông tin đến được các học sinh cấp 3 của các địa phương rất chi tiết và có tác dụng lâu dài. Tuy nhiên, các tài liệu dùng để cung cấp thông tin, tư vấn tuyển sinh hay phân tích các ưu nhược của ngành học CNKT Điện-Điện Tử chưa được cụ thể bằng các hình thức phổ biến như tờ rơi,… để phát cho các đối tượng có nhu cầu thực sự. ▪ Thông qua các hoạt động quảng bá tốt, số lượng sinh viên ngành CNKT Điện-Điện Tử đã chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu sinh viên của Trường cả hệ chính quy lẫn hệ tại chức. [Exh. 2.8(5)]. [minh chứng tỷ lệ, số lượng sv] Định kỳ rà soát và đánh giá nhu cầu đào tạo để điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí và quy trình tuyển sinh ▪ Để điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí và quy định tuyển sinh; nhà trường và Khoa thực hiện định kỳ rà soát và đánh giá nhu cầu đào tạo trình độ đại học ngành CNKT Điện-Điện Tử thông qua các hoạt động như: - Tổ chức giao lưu với cựu SV Khoa Điện – Điện tử để tìm hiểu sự đánh giá của xã hội về chất lượng đào tạo, năng lực và tương lai của sinh viên đã tốt nghiệp. - Thực hiện các chuyến đi khảo sát tại các Sở, Ban ngành các tỉnh miền Trung và miền Tây để tìm hiểu nhu cầu các dự án đồng thời tìm hiểu nhu cầu đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật Điện-Điện Tử, giáo viên Điện công nghiệp của địa phương. [Exh. 2.8(6)]. ▪ Tuy nhiên, bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Bộ GD&ĐT về điểm chuẩn và quy trình tuyển sinh; nhà trường chủ trương không tăng quá nhiều chỉ tiêu tuyển sinh của khối này để đảm bảo một quy mô vừa đủ nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào và chất lượng đào tạo tốt. [Exh. 2.8(7)]. [bảng thống kê số lượng tuyển sinh qua các năm]	connection at local areas, as well as limitted undestanding to find information on website. The information to reach to high school student here is detail and long-run efficiency. However, documents for providing information, consulting entrance enrollment or analyzing strength and weakness of IEEE program has not been specilized by popular way such as spreading leaflet,.. to distribute to those in need. - Throughout good popularizing activities, number of student in IEEE both regular and service training increased. [Exh. 2.8(5)]. [evidence of rate, student amount]. Periodic check and evaluate education demand to adjust and supplement criteria and enrollment procedure. - To adjust, supplement criteria and enrollment regulation; the university and faculty execute periodic check and evaluate demand for university education in IEEE through the activities below: + Organize exchanges with alumni in IEEE to find out society's evaluation about education quality, capability and graduate's future. + Execute practical field trip to Department, Office in the middle provinces in order to understand project's demand, as well as understand demand to educate IEEE engineers, lecturers in local areas. [Exh.2.8(6)]. - However, besides ensuring to comply with Educational ministry's regulation about entrance score and enrollment procedure; the university must not increase admission targets to ensure an appropriate size to ensure admission quality and good education quality. [Exh. 2.8(7)] (statistic of enrollment amount in various years)
2.8.2. Tiêu chí 2.8.2: Quy trình nhận sinh viên thỏa đáng Quá trình nhập học, thủ tục đăng ký nhập học cho các tân sinh viên được giải thích rõ ràng và công bố trên trang web UTE [Exh. 2.8(8)]. (http://tuyensinh.hcmute.edu.vn/thong-tin/Tuyen-	2.8.2 Proper admission procedure Process of admission, admission registration procedure for freshmen is clearly explained and published on UTE website [Exh. 2.8(8)]. (http://tuyensinh.hcmute.edu.vn/thong-

sinh-Dai-hoc-Cao-dang-2014/Huong-dan-thu-tuc-nhap-hoc-nam-2014-28/#.VFbtZjSsWGM). Kết quả tuyển sinh mỗi năm được công bố công khai trên trang web, cũng như tất cả các quy trình nhập học, chương trình học cho các đối tượng của quy định của trường đại học. **Bảng…** cho thấy số lượng sinh viên trong 5 năm học vừa qua. ▪ Quyết định tiếp nhận các sinh viên chủ yếu dựa vào phẩm chất của từng cá nhân và kết quả của kỳ thi tuyển sinh đại học [Exh. 2.8(9)]. ▪ Chỉ thí sinh vượt qua được kỳ thi tuyển sinh đại học mới được nhập học. Các năm qua, điểm đầu vào ngành CNKT Điện-Điện Tử luôn ở mức cao trong kỳ thì tuyển sinh của bộ giáo dục và đào tạo. [Exh. 2.8(10)]. ▪ Kết quả tuyển sinh được công bố công khai trên web. Quá trình nhập học cho sinh viên mới được giải thích rõ ràng và công bố trên trang web của trường. [Exh. 2.8(11)]. ▪ Để tuyển được những sinh viên có chất lượng, Trường Đại học SPKT đã áp dụng một số biện pháp như quảng cáo chương trình học, công việc sau khi tốt nghiệp,… [Exh. 2.8(12)]. ▪ Số lượng tuyển sinh của ngành CNKT Điện-Điện Tử được xác định bởi bộ giáo dục & đào tạo. Để ổn định, khuyến khích số lượng giảng viên nhất định để kiểm soát và đảm bảo chất lượng đầu ra của sinh viên. Tỷ lệ giảng viên trên số lượng sinh viên theo dõi là đủ. Vì vậy, các giảng viên có thể quan sát sinh viên một cách hiệu quả. Thông thường, số lượng sinh viên ổn định ở mức 250-300 sinh viên mỗi năm [Exh. 2.8 (13)]. ▪ Chất lượng tuyển sinh được phê duyệt thông qua điểm số đầu vào của sinh viên. Hơn nữa, sau khi nhập học, sinh viên được kiểm tra anh văn đầu vào để phân loại trình độ tiếng Anh làm cơ sở cho việc xếp lớp. [Exh. 2.8(14)]. ▪ Chính sách nhập học là chấp nhận được, tỷ lệ sinh viên bỏ học và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp là hài lòng. Sinh viên có được kết quả học tập thông qua điểm trung bình của họ. Do đó, giảng viên có thể theo dõi sự tiến bộ của sinh viên và đánh giá hiệu quả thông qua điểm số của họ, vì vậy một sinh viên trung bình có thể hoàn thành chương trình trong thời gian quy định với thời gian bốn năm kéo dài được tăng lên. **2.8.3. Tiêu chí 2.8.3: Chương trình học thực tế thống nhất với chương trình học được quy định** ▪ Khi nhập học và trong quá trình học, SV được	tin/Tuyen-sinh-Dai-hoc-Cao-dang-2014/Huong-dan-thu-tuc-nhap-hoc-nam-2014-28/#.VFbtZjSsWGM). Entrance examination results are announced on the website, as well as admission procedure, learning program for university student. Table … indicates number of students in the last 5 years. - Decidion for admission based on personal qualification and university entrance exam results. [Exh. 2.8(9)]. - Only those who passing the exam are admitted. Last years, the entrance score into IEEE is always high. [Exh. 2.8(10)]. - The entrance results are announced on the website. The admission procedure for new students is clearly explained and published on the university's website. [Exh. 2.8(11)]. - To have qualified students, the University applied some methods such as advertising learning program, job opportunities after graduating,… [Exh. 2.8(12)]. - Number of students in IEEE is determined by Educational Ministry. To get stabilized, a specific lecturers' quantity is encouraged to control s specific students' number to ensure student output. Regularly, number of students are from 250 – 300 per year. [Exh. 2.8(13)]. - Input quality is approved through student's entrance score. Furthermore, after entering school, students must participate English test so as to classify English qualification to arrange students into a proper class. [Exh. 2.8(14)]. - Admission policy regulates a specific ratio of students who give up learning and graudate students. Students' qualification is evaluated by their average score. Therefore, lecturers can follow students' development progress and evaluate learning effectiveness by students' scores. An average student can complete university program within 4 years. 2.8.3. Practical learning program is consistent with regulated learning program - When beginning the school and during learning progress, students are

phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp và các quy định về quyền và nghĩa vụ của người học. [Exh. 2.8(15)]. [Sổ tay sinh viên] ▪ Tổ chức triển khai có hiệu quả hệ thống tín chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình học có kế hoạch, quy trình và quy chế triển khai hệ thống tín chỉ phù hợp với cơ cấu tổ chức, nguồn lực của nhà trường. Chương trình học sử dụng theo hệ thống tín chỉ. Các tín chỉ được tính quy đổi theo giờ (tiết học trên lớp + tự học, nghiên cứu, làm việc nhóm…). Kế hoạch đào tạo năm học và từng học kỳ được thực hiện theo quy chế học chế tín chỉ về tổ chức đào tạo và theo quy trình Lập kế hoạch, thực hiện giảng dạy của nhà trường [Exh. 2.8(16)]. Điều này được cụ thể hoá tại bảng kế hoạch đào tạo do Phòng Đào tạo và Khoa lập cho ngành CNKT Điện-Điện Tử. Trong bảng kế hoạch này, Bộ môn dựa vào nguồn nhân lực của mình mà phân công các GV phù hợp với các môn lý thuyết và thực tập trên cơ sở vật chất do Bộ môn quản lý [Exh. 2.8(17)]. Việc tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo được thực hiện như sau: Đối với các môn lý thuyết, được hoàn tất thông qua quy trình đăng ký môn học của sinh viên theo hướng dẫn trong Sổ tay sinh viên và hướng dẫn đăng ký trên trang Web của nhà trường [Exh. 2.8(18)]. Việc phân bổ số lớp trên từng môn học được căn cứ ước lượng trên nhu cầu của SV, cơ sở vật chất của nhà trường và nguồn năng lực tại Bộ môn. Đối với các môn thực tập, Khoa Điện – Điện tử chịu trách nhiệm phân bố lịch thực tập đảm bảo sự phù hợp về thời gian giữa các ngành khác và ngành CNKT Điện-Điện Tử, cũng như lập dự toán các chi phí vật tư thực tập phù hợp với số SV đăng ký và gửi Phòng Thiết bị – Vật tư để đảm bảo tính thống nhất của toàn kế hoạch. Kết quả đăng ký được phản hồi ngay thông qua thời khoá biểu của từng sinh viên [Exh. 2.8(19)]. và thời khoá biểu của từng giảng viên [Exh. 2.8(20)]. Kế hoạch đào tạo thông qua thời khoá biểu của sinh viên và giảng viên còn có thời khoá biểu chung toàn bộ môn	introduced full regulation of education, examination, test, graduation recognition and other regulations about learner's right and responsibility. [Exh. 2.8(15)]. [Student handbook] - Deploy effectively credit system according to Educational ministry regulation. Learning program should be planned, procedure and regulation deployment should be proper with the university's structure and resources. Learning program is applied credit system. Credit conversion is based on time (periods in class + self-learning, research, teamwork…). Education scheme for a year and a semesteris implemented according to regulation of credits about education organization, and process of planning, teaching in the university [Exh. 2.8(16)]. These are specilized in education plan which is made by Educational department and IEEE faculty. In this plan, based on available human resources and material facilities, the subjects assign lecturers to appropriate theoretic and practical subjects [Exh. 2.8(17)]. Education plans are deployed as the following: students register theoretic subjects on the university's website as guided in the website and student handboo [Exh.2.8(18)]. Based on student demands, material facilities in the school, and human resources at the faculty, class numbers for each subject are decided. For practical subjects, IEEE faculty is in charge of arranging proper schedule regarding suitable time for IEEE faculty and other faculties, and making estimate cost of material for practicing, and sending to equipment – material department to ensure consistency of the whole plan. Registration results are responsed on each student [Exh. 2.8(19)] and lecturer's schedule [Exh. 2.8(20)]. Besides schedule for student and lecturer, there is a schedule for whole department and whole faculty controlled respectively by head department and head faculty. However, subject registration is not really secured and justice due to low security system and student's revealed password, therefore student name is eliminated

[Exh. 2.8(17)] được Trưởng bộ môn quản lý và thời khoá biểu toàn khoa do Trưởng khoa quản lý. Tuy nhiên, việc tổ chức cho SV đăng ký môn học qua mạng chưa thật an toàn và công bằng do tính bảo mật của hệ thống chưa cao và SV thường để lộ mật khẩu, dẫn đến bị hệ thống loại bỏ tên trong danh sách lớp học. Theo quy định của nhà trường, ngay từ các buổi lên lớp đầu tiên của môn học, giảng viên phải giới thiệu cho sinh viên biết rõ Đề cương môn học [Exh. 2.8(21)], thông báo rõ số giờ lên lớp tối thiểu, tỷ trọng của kỳ thi giữa kỳ và thi cuối kỳ (lý thuyết) hay lịch thực tập (thực hành). Để kiểm soát quá trình học tập của sinh viên, GV có danh sách điểm danh SV đối với các lớp lý thuyết và danh sách điểm số cho từng buổi học thực hành đối với lớp học thực hành. Việc đánh giá sinh viên được tiến hành trong suốt quá trình học tập thông qua hình thức kiểm tra giữa kỳ [Exh. 2.8(22)]. Thời gian kiểm tra, số đợt kiểm tra, nội dung và hình thức kiểm tra (tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận theo nhóm,...) do GV đứng lớp thỏa thuận với sinh viên. Việc tổ chức triển khai hoạt động đào tạo theo hệ thống tín chỉ là sự phối hợp trách nhiệm của lãnh đạo Khoa, Bộ môn và các phòng ban chức năng [Exh. 2.8(23)]. Bên cạnh việc tự giám sát của Khoa, Bộ môn còn có sự giám sát của Phòng Thanh tra giáo dục theo quy định của nhà trường [Exh. 2.8(24)] thông qua thời khoá biểu của toàn trường.	from the class list. As the school's regulation, from the first class of subject, lecturer must introduce students the subject platform [Exh. 2.8(21)], inform clearly minimum attendance hour, ratio of middle term and end term's theoretic examination or practice learning schedule. To control student learning proces, lecturers have to have list of students for theoretical class for attendance check, and list for scoring in practical class. Students are evaluated during learning process and middle term examination [Exh. 2.8 (22)]. Examination's time, quantity, content and form (writing, quiz, essay in group…) are decided by both lecturer and student. Credit system deployment is a coordination between leaders in faculties, subject and functional departments [Exh. 2.8(23)]. Besides faculty's self management, subjects are supervised by Educational inspection department according to the school's regulation [Exh. 2.8(24)] through whole school's schedule.
▪ Tổ chức thu thập các ý kiến phản hồi của giảng viên, người học để định kỳ rà soát quy trình, quy chế triển khai hệ thống tín chỉ theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Hàng năm, Bộ môn Điện công nghiệp đã tổ chức thu thập các ý kiến phản hồi của giảng viên, người học để định kỳ rà soát quy trình, quy chế triển khai hệ thống tín chỉ theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo(câu này trùng câu trên, anh xem lại):	- Annually, IEEE facutly organizes to collect feedback from lecturers, students in order to periodically check the process, regulation of credit system deployment, to upgrade and enhance education quality:
Tiếp thu ý kiến phản hồi của giảng viên: Tất cả GV trong Bộ môn đều có lịch trình tham dự công tác dự giờ của các GV khác trong BM và	*Acquire feedback from lecturers:* all lecturers in the department are scheduled to attend lecture of other lecturers in department, and vice versa. Content of

được các GV khác dự giờ. Nội dung phiếu dự giờ gồm nhiều tiêu chí quan trọng phản ánh tính sư phạm tính tích cực của SV và GV giảng dạy trong học tập. Bên cạnh đó, còn có các đợt dự giờ của Trưởng bộ môn, của lãnh đạo Khoa, của Phòng Đào tạo,... [Exh. 2.8(25)].	lecture participation includes many critical criteria reflecting positive pedagogy of students and lecturers. Besides, there are lecture attendance of head department, educational department,... [Exh. 2.8(25)]
Tiếp thu ý kiến phản hồi của sinh viên: Tất cả các SV đều được phát phiếu đánh giá từng GV giảng dạy cho từng môn học theo quy trình và mẫu do nhà trường ban hành[Exh. 2.8(26)]. Các tiêu chí đánh giá gồm tiêu chí về sư phạm, chất lượng giảng dạy,... Bên cạnh đó, Bộ môn còn tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp với SV theo quy định của Khoa và nhà trường [Exh. 2.8(28)]. Đây là những buổi được SV hết sức quan tâm và đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho lãnh đạo Bộ môn và lãnh đạo Khoa.	*Acquire feedback from students*: all students are provided evaluation form for each lecturer according to procedure and form from the Uninversity [Exh. 2.8 (26)]. Criteria for evaluation include pedagogic criteria, teaching quality,... Besides, department holds direct talk with students according to department and universtiy's regulation [Exh. 2.8(28)]. These are activities which attract most students' concern and valuable response for head department and faculty leaders
Từ những dữ liệu thu được, trong mỗi học kỳ, Bộ môn sẽ có các buổi sinh hoạt BM để hiệu chỉnh lại kế hoạch giảng dạy, nhắc nhở GV về nề nếp, giờ giấc và thảo luận để nâng cao chất lượng giảng dạy.	From data collected, every semester, Subjets will hold BM activities to adjust teaching scheme, remind lecturers of discipline, timetable and discuss to enhance teaching quality.
▪ Khối lượng học tập trên thực tế phù hợp và trùng với khối lượng học tập theo yêu cầu của chương trình. [Exh. 2.8(29)]. [sổ tray sinh viên, danh sách sinh viên xét tốt nghiệp]	- Learning loads in fact has to be comply with those requested in the learning program. [Exh. 2.8 (29)]. [Student handbook, list of student graduate].
▪ Chương trình đào tạo được công bố tới SV khi nhập học và đầu mỗi học kỳ phòng đào tạo đều có công bố kế hoạch học tập trên website và gửi email đến từng SV. [Exh. 2.8(30)]. [sổ tray sinh viên, kế hoạch giảng dạy, học tập]	- Learning program is published in beginning of school, and every first semester, education deparment announces learning scheme via website and email to each student. [Exh. 2.8(30)]. [Student handbook, teaching and learning scheme].
▪ SV có thể đăng ký môn học với số tín chỉ quy định, có thể học vượt, học lại, xem TKB, điểm thi, điểm và tổng số tính chỉ tích lũy trên website của trường. [Exh. 2.8(31)]. [website xem điểm, quy định về đăng ký môn học].	- Student can register appointed credits, can study extra, re-study, see schedule, test results, accumulated score and total credits on the university's website. [Exh. 2.8(31)]. [Website for seeing scores, regulations of subject registration].
▪ Các chính sách về học bổng, khen thưởng, thi đua, điều kiện để nhận học bổng, được khen thưởng, làm ĐATN được đăng trên website	- Policy and condition to receive scholarship, award, competition, join ĐATN are published to the university's

nhà trường. [Exh. 2.8(32)]. [website] ▪ Khối lượng học tập có được phân bố đều trong các năm học và mỗi học kỳ. Mỗi học kỳ sinh viên học theo các môn theo kế hoạch và có thể đăng ký học vượt, học lại, đinh mức đăng ký tối thiểu 15 tín chỉ và tối đa 35 tín chỉ. [Exh. 2.8(31)]. [sổ tray sinh viên, quy định về đăng ký môn học]. ▪ Sinh viên học lực trung bình vẫn có thể hoàn tất chương trình trong khoảng thời gian dự kiến của chương trình đào tạo và cho phép kéo dài 4 năm.	website. [Exh. 2.8(32)]. - Learning loads are distributed evenly throughout the years and semesters. Every semester student can study subjects as planned and can register for study extra, re-study, minimum registration for 15 credis and maximum for 35 credits. [Exh. 2.8(31)]. [Student handbook, regulation of subject registration]. - Student with average ability can still complete the learning program within 4 years.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

AUN-QA Tiêu chí 8 - Danh mục kiểm tra

8	***Chất lượng sinh viên***	1	2	3	4	5	6	7
8.1	Chính sách thu nhận sinh viên rõ ràng					✓		
8.2	Quy trình nhận sinh viên thỏa đáng						✓	
83	Chương trình học thực tế thống nhất với chương trình học được quy định						✓	
	ý kiến tổng thể					✓		

AUN-QA Criterion 8 – Checklist

8	***Student Quality***	1	2	3	4	5	6	7
8.1	There is a clear student intake policy.					✓		
8.2	The student admission process is adequate.						✓	
83	The actual study load is in line with the prescribed load.						✓	
	Overall opinion					✓		

DANH MỤC MINH CHỨNG

LIST OF EVIDENCE

STT	Mã Minh Chứng Evidence code	Tên Minh Chứng Evidence name	Tình trạng Status
1	**[Exh. 2.8(1)]. [3.1-01].**	Thông tin tuyển sinh trên trang web Trường ĐHSPKT TP. HCM Thông báo số 04/TB-ĐHSPKT-TS2010 về việc tuyển sinh ĐH, CĐ, TCCN chính quy năm 2010 (09/3/2010) Enrollment information on the University of education and technology. Annoucement 04/TB-DHSPKT TS 2010 about regular university, college enrollment year 2010 (9/3/2010)	
2	[Exh. 2.8(2)]. [3.1-02].	Trang Web Phòng Đào tạo và Khoa Điện – Điện tử (feee.hcmute.edu.vn) Website of Education department and IEEE faculty (feee.hcmute.edu.vn)	Đã có Done
3	[Exh. 2.8(3)]. [3.1-03].	Kế hoạch số 07/KHLT-CTHSSV-ĐTN-HSV về việc tổ chức sinh viên tham gia tư vấn tuyển sinh tại các địa phương, ngày 28/11/2011 Plan 07/KHLT-CTHSSV-DTN-HSV about arranging enrollment consult for local students, date 28/11/2011	Đã có Done
4	[Exh. 2.8(4)]. [3.1-04]	Kế hoạch tổ chức ngày mở của Khoa Điện – Điện tử ngày chủ nhật 17/01/2010 Plan to organize opening date for IEEE faculy in Sunday date 17/1/2010	Đã có Done
5	[Exh. 2.8(5)]. [minh chứng tỷ lệ, số lượng sv]	Số lượng và tỷ lệ sinh viên/giảng viên qua các năm học Number and ratio of student/lecturer through years	Đã có Done
6	[Exh. 2.8(6)]. [3.1-05]	Báo cáo kết quả chuyến đi làm việc với các tỉnh miền Đông, miền tây Nam bộ, các tỉnh bắc Tây nguyên, miền trung Trung bộ (23/6/2010) Report of excursion results in provinces of eastern,western of the South, nothern of the West, and middle of Viet Nam (23/6/2010)	Đã có Done
7	[Exh. 2.8(7)]. [bảng thống kê số lượng tuyển sinh qua các năm]	Thống kê số lượng tuyển sinh qua các năm Statistics of enrollment number through years	Đã có Done

STT	Mã Minh Chứng Evidence code	Tên Minh Chứng Evidence name	Tình trạng Status
8	[Exh. 2.8(8)]. (http://tuyensinh.hcmute.edu.vn/thong-tin/Tuyen-sinh-Dai-hoc-Cao-dang-2014/Huong-danthu-tuc-nhap-hoc-nam-2014-28/#.VFbtZjSsWGM).	Quy trình nhập học Admission procedure	Đã có Done
9	[Exh. 2.8(9)]	Quyết định điểm chuẩn kỳ thi tuyển sinh đại học các năm Decision of score standard for entrance university exam through years	
10	[Exh. 2.8(10)]	Điểm chuẩn kỳ thi tuyển sinh các trường đại học qua các năm Score standard for entrance university exam through years	
11	[Exh. 2.8(11)]	Kết quả kỳ thi tuyển sinh và quy trình nhập học Results for entrance university exam admission procedure	
12	[Exh. 2.8(12)]	Các hoạt động quảng cáo chương trình học và công việc khi ra trường Advertisement activities for learning program and jobs after university	
13	[Exh. 2.8 (13)]	Số lượng tuyển sinh của ngành qua các năm Number of enrollment of the faculty through years	
14	[Exh. 2.8(14)]	Lịch kiểm tra anh văn đầu vào Schedule for English entrance test	
15	[Exh. 2.8(15)]	[Sổ tay sinh viên] [Student handbook]	
16	[Exh. 2.8(16)]. [3.2-01]	Quy trình Lập kế hoạch, thực hiện giảng dạy, số hiệu QT-PĐT-KHGD, lần soát xét 03, ngày hiệu lực 01/9/2006 Procedure of making plan, teaching implementation, QT-PDT-KHGD, revision 3, effective date 1/9/2006	
17	[Exh. 2.8(17)]. [3.2-02]	Thời khóa biểu bộ môn/trung tâm HKII năm học 2011-2012 của Khoa Điện – Điện tử Schedule for subjects/center in the IEEE's second semester year 2011-2012	Đã có Done
18	[Exh. 2.8(18)]. [2.4-03]	Thông báo số 01/ĐHMH-ĐHSPKT 2010 về việc đăng ký môn học qua mạng HKII năm học 2009-2010 (06/01/2010) Annoucement number 01/DHMH-DHSPKT 2010 about subject registration via internet for second semester year	

STT	Mã Minh Chứng Evidence code	Tên Minh Chứng Evidence name	Tình trạng Status
		2009-2010 (6/1/2010)	
19	[Exh. 2.8(19)]. [3.2-03]	Thời khóa biểu của SV (Võ Thanh An, Nguyễn Trịnh Đức An) HKII năm học 2011-2012 Schedule of student Vo Thanh An, Nguyen Trinh Duc An, second semester 2011-2012	
20	[Exh. 2.8(20)]. [3.2-04]	Thời khóa biểu của CBGD (Lưu Văn Quang) HKII năm 2011-2012 Shedule of lecturer Luu Van Quang, second semester year 2011-2012	
21	[Exh. 2.8(21)]. [3.2-05]	Đề cương chi tiết học phần CAD trong kỹ thuật điện CAD in engineering platform	
22	[Exh. 2.8(22)]. [3.2-06]	Công văn số 668/ĐT về việc Hướng dẫn thực hiện đánh giá môn học năm 2006-2007 Document number 668/DT about guideline for subject evaulation implementation year 2006-2007	
23	[Exh. 2.8(23)]. [3.2-07]	Thông báo số 301/TB-ĐHSPKT-ĐT ngày 29/6/2010 về các kết luận về việc tổ chức triển khai hoạt động đào tạo năm học 2010 – 2011 Annoucement number 301/TB-DHSPKT-DT date 29/6/2010 about conclusion of educational activity deployment year 2010-2011	
24	[Exh. 2.8(24)]. [3.2-08]	Chức năng nhiệm vụ của Phòng Thanh tra Đào tạo, số hiệu HD-TTĐT-CNNV, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/8/2005 Function and responsibility of education and inspection department, HD-TTDT-CNNV, revision 0, effective date 1/8/2005	Đã có Done
25	[Exh. 2.8(25)]. [2.8-01]	Biên bản dự giờ môn học Thiết bị điều khiển điện (26/9/2009) Minutes of attending lecture for subject electrical control equipment (26/9/2009)	Đã có Done
26	[Exh. 2.8(26)]. [3.2-09]	Phiếu lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy lý thuyết và hoạt động hướng dẫn thực hành (thí nghiệm) của giảng viên theo học kỳ	Đã có Done
27	[Exh. 2.8 (28)]. [2.7-05]	Tổng hợp ý kiến đóng góp của HSSV năm học 2007-2008, 2008-2009 Collect comments from students from 2007-2008, 2008-2009	Đã có Done

STT	Mã Minh Chứng Evidence code	Tên Minh Chứng Evidence name	Tình trạng Status
	[Exh. 2.8(29)].	[sổ tay sinh viên, danh sách sinh viên xét tốt nghiệp các năm] [Student handbook, list of graduate on probation]	
	[Exh. 2.8(30)]	[sổ tray sinh viên, kế hoạch giảng dạy, học tập] [Student handbook, teaching and learning scheme]	
	[Exh. 2.8(31)]	[website xem điểm, quy định về đăng ký môn học] [Website to read study results, regulations of subject registration]	
	[Exh. 2.8(32)]	Các chính sách về học bổng, khen thưởng, thi đua, điều kiện để nhận học bổng, được khen thưởng, làm ĐATN Policy and condition to receive scholarship, award, competition, prepare ĐATN	